

Bản án số: 64/2019/HS-ST
Ngày 16-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm

Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Ông Đỗ Xuân Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 419/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 458/2019/HSST-QĐ ngày 04/7/2019 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1986 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 1/24/62 PHT, phường AD, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 42B/38/31 ĐV, phường TC1, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Lê Bích V1; có vợ là Lê Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Án số 47/HSST ngày 02/10/2015, Tòa án nhân dân quận KA xử phạt 36 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”); nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tích (Án số 266/HSST ngày 27/12/2007, Tòa án nhân dân quận LC xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”); bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/12/2018 đến ngày 06/12/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 11 tháng 5 năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 211/240 TH, phường TC, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 42B/38/31 ĐV, phường TC1, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn V2 và bà Vũ Thị Kim C; có chồng là Đoàn Duy H (đã ly hôn), Nguyễn Duy P (không đăng ký kết hôn – đã chết) và 03 con (con nhỏ nhất sinh năm 2016); bị bắt, tạm giữ từ ngày 02/12/2018 đến ngày 06/12/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

Nguyễn Văn T, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 30/137 LB, phường LS, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 6/19/276 CH, phường DHK, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Liên; có vợ là Vũ Thị Trang và 02 con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Án số 102/HSST ngày 28/6/2012 Tòa án nhân dân quận LC xử 9 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” – chưa thi hành xong phần tiền phạt, tiền thu lời bất chính và án phí); nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tích (Án số 66/HSST ngày 28/11/2007, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”); bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/12/2018 đến ngày 06/12/2018 chuyển tạm giam; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thùy L: Ông Nguyễn Văn Chanh - Luật sư của Văn phòng Luật sư LS thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người chứng kiến: Ông Vũ Văn Hùng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi ra tù, khoảng tháng 8/2017, Nguyễn Văn Q quen và yêu Nguyễn Thị Thùy L. Cả hai bàn nhau và thực hiện việc mua bán ma túy. Loại ma túy mà Q và L bán chủ yếu là ma túy “đá” (Methamphetamine) và “thuốc lắc” (viên nén ma túy). Ban đầu, Q và L thường ở khách sạn hoặc nhà nghỉ để bán ma túy. Q là người bỏ tiền và tự mình mua của người đàn ông tên V3 nhà ở khu vực đường TKD và người tên N (Q không rõ lai lịch, địa chỉ của những người này) sau đó về chia ra các gói nhỏ để Q và L cùng bán và sử dụng chung. Đến tháng 9/2018, Q và L thuê nhà ở tại 42B/38/31 ĐV, phường TC1, quận HB, thành phố Hải Phòng để chung sống và tiếp tục bán ma túy cùng nhau. Tại đây, Q và L thống nhất, sau khi mua mỗi viên “thuốc lắc” với giá từ 200.000 đồng đến 220.000 đồng, Q và L bán với giá 220.000 đồng đến 250.000 đồng; 01 gam ma túy “đá” mua với giá 420.000 đồng và bán với giá 500.000 đồng. Q là người trực tiếp chia nhỏ ra rồi cất giấu trong ngăn kéo bàn học trên tầng hai nếu khách của Q hỏi mua ma túy thì Q trực

tiếp bán, nếu khách của L hỏi mua ma túy thì L báo cho Q hoặc trực tiếp bán rồi đưa lại tiền cho Q, tiền lãi kiếm được từ việc mua bán ma túy Q và L dùng để sinh hoạt chi tiêu hàng ngày. Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 01/12/2018, khi Q và L đang ở nhà thì có Nguyễn Văn T đến hỏi mua 02 viên “thuốc lắc” với giá 500.000 đồng, Q đang bán cho T thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Hải Phòng phát hiện bắt quả tang, thu trong lòng bàn tay của T 02 viên nén màu xanh một mặt có chữ “LV” đựng trong một túi nilon, qua giám định là ma túy loại MDMA nặng 0,68 gam; thu tại sàn nhà cạnh ghế ngồi phòng khách tầng 1, vị trí Q đứng 01 túi nilon kích thước 4cm x 4cm có khóa mép bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, qua giám định là ma túy loại Methamphetamine, nặng 0,89 gam, và 02 cân điện tử tại sàn nhà trước cửa nhà vệ sinh.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Q và L Cơ quan điều tra còn phát hiện thu giữ tại bàn học sinh ở tầng 2: Trong ngăn tủ bàn có hộp nhựa màu trắng bên trong có 01 túi nilon kích thước khoảng 7cm x 5cm có mép viền màu đỏ trong chứa các viên nén hình trụ màu xanh qua giám định là ma túy loại MDMA, nặng 14,30 gam; 01 túi nilon kích thước khoảng 15cm x 8cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy loại Methamphetamine nặng 59,66 gam; 04 túi nilon kích thước khoảng 5cm x 4cm bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng qua giám định là ma túy loại Methamphetamine nặng 22,84 gam. Ngoài ra, tại ngăn kéo bàn học có một số túi nilon đựng chất bột màu trắng nhưng qua giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy.

Quá trình bắt quả tang và khám xét, Cơ quan điều tra tạm giữ của T 01 xe máy, 01 điện thoại di động NOKIA và 1.700.000 đồng; tạm giữ của Q 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại Iphone màu đen, 02 xe máy, và 34.100.000 đồng; 02 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thùy L, 01 đăng kí xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T2, 02 điện thoại di động ITEL (qua kiểm tra không có sim, không có dữ liệu); thu giữ của Nguyễn Thị Thùy L 01 điện thoại Iphone màu trắng và 01 Ipad .

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thùy L khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên. Như vậy, tổng khối lượng ma túy thu giữ khi bắt quả tang và khám xét đối với Q, L là 14,98 gam MDMA và 83,39 gam Methamphetamine là số ma túy Q, L mua về để bán kiếm lời.

Ngoài ra, Nguyễn Văn Q còn khai nhận: Trong quá trình bán ma túy, Q và L đã một lần bán cho đối tượng P1 (không rõ lai lịch, địa chỉ) 10 gam ma túy đá (Methamphetamine) và ba lần bán ma túy loại thuốc lắc và Ketamine cho một người phụ nữ tên K (có tên liên lạc qua Zalo với Q là “Thiên K”) có chồng tên S nhà ở thành phố Đà Nẵng với số lượng lớn để K bán lẻ cho khách tại thành phố Đà Nẵng, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 30/10/2018, K liên lạc với Q và L qua zalo để mua 20 gam Ketamine với giá 22.000.000 đồng và 100 viên “thuốc lắc” với giá 23.000.000 đồng, Q gọi điện cho một người nam giới tên N mua 100 viên “thuốc lắc” với giá

200.000 đồng/viên mang về nhà đóng gói số ma túy trên và 20 gam Ketamine có sẵn ở nhà đưa cho L gửi ô tô khách đi thành phố Đà Nẵng cho K, K trả tiền mua ma túy cho Q qua tài khoản ngân hàng của L.

- Lần thứ hai: Ngày 15/11/2018, K liên lạc cho Q và L để mua 70 gam Ketamine với giá 80.000.000 đồng và 1000 viên “thuốc lắc” với giá 120.000 đồng/viên, K đã chuyển cho Q 90.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của L. Q mua của N 70 gam ketamine với giá 73.500.000 đồng. Ngày 16/11/2018, L cầm 70 gam Ketamine ra bến xe Thượng Lý gửi thì nhà xe kiểm tra nên L không gửi được đến ngày 17/11/2018, Q trực tiếp mang 70 gam Ketamine gửi xe khách đi TP Đà Nẵng cho K còn 1000 viên “thuốc lắc” thì Q gọi điện cho V3 (người vẫn bán ma túy cho Q) gửi trực tiếp cho K, sau đó K báo lại nhận được 1000 viên nhưng chỉ lấy 300 viên vì chất lượng kém, và tiền 300 viên “thuốc lắc” này K nợ lại chưa trả tiền cho Q.

- Lần thứ ba: Ngày 22/11/2018, K nhắn tin hỏi mua của Q 20 gam Ketamine và 100 viên “thuốc lắc”. Q báo giá cho L 20 gam ketamine Q chỉ lấy tiền 10 gam là 12.000.000 đồng, còn lại 10 gam Q tặng sinh nhật K, 100 viên “thuốc lắc” là 23.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng. K chuyển cho Q 20.000.000 đồng vì trước đó Q nợ K 10.000.000 đồng. Q là người thuê xe ôm đi gửi xe khách vào Đà Nẵng cho K.

Nguyễn Thị Thùy L thừa nhận đã cùng Q bán ma túy cho P1 với số lượng và loại ma túy như lời khai của Q phù hợp với nội dung tin nhắn trong điện thoại của L trao đổi về số lượng và chất lượng ma túy với đối tượng P1.

Về việc mua bán ma túy với đối tượng K, L khai: L có quen biết K và S do đã cùng Q hai lần vào thành phố Đà Nẵng để đi chơi cùng K và S, nhiều lần L được Q nhờ đi gửi đồ cho K (không rõ đồ gì) và đã nhiều lần nhận tiền do K trả Q qua tài khoản của L tại ngân hàng (phù hợp tài liệu xác minh tại ngân hàng). Tuy nhiên, L không thừa nhận cùng Q bàn bạc và bán ma túy cho K như lời khai của Q. L có sử dụng chung Zalo với Q, nội dung tin nhắn giao dịch mua bán ma túy với K là do Q và K nhắn với nhau, L không nhắn. Về nội dung này, Q vẫn khẳng định Q và L đã cùng nhau bàn bạc và thực hiện việc bán ma túy cho K, Q có tạo Zalo riêng, không sử dụng chung Zalo với L, các giao dịch mua bán ma túy trên Zalo của L là do L nhắn, Q từ chối đối chất vì có quan hệ tình cảm với L.

Về xác định khối lượng ma túy các đối tượng đã mua bán trong 04 lần trên: đã xác định được Q và L bán cho K 110 gam ketamine; bán cho P1 10 Methamphetamine (đá). Đối với ma túy loại “thuốc lắc” Q và L bán cho K nhưng không xác định được có cùng chủng loại với các viên nén Cơ quan thu giữ được của Q, L hay không, do đó không có cơ sở để xác định loại ma túy, khối lượng số ma túy dạng “thuốc lắc” trong các lần mua bán trên.

Ngoài ra, Q còn khai nhận đã bán cho Tuấn 10 gam ma túy đá và cùng L bán cho N1 (bạn của L) 20 viên “thuốc lắc” (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của N1, T1). Tuy nhiên, việc Q khai bán cho Tuấn ngoài lời khai của Q không có tài liệu nào khác, việc Q và L bán cho N1 ma túy loại “thuốc lắc” không có mẫu để đối chiếu quy đổi, nên không đủ cơ sở kết luận việc bán ma túy cho các đối tượng N1, T1 như Q, L đã khai.

Nguyễn Văn T khai nhận, T đến nhà Q và L mua ma túy nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị bắt quả tang như trên.

Đối với đối tượng K, S là người mua ma túy của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L, đối tượng V3, Ngọc là người bán ma túy cho Q, cơ quan điều tra tiến hành xác minh, qua đó xác định có đối tượng tên là Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1979 cùng đăng ký thường trú tại: Tổ 44 phường HTT, quận HC, thành phố Đà Nẵng; Vũ Duy V3, sinh năm 1983, đăng ký thường trú tại: 14 TKD, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng có dấu hiệu có liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy. Tiến hành xác minh tại những nơi K, S, V3 từng cư trú xác định K, S, V3 không có mặt tại những nơi đó và hiện K, S, V3 ở đâu thì chính quyền địa phương tại nơi đăng ký thường trú, cũng như nơi các đối tượng từng cư trú đều không xác định được nên Cơ quan điều tra không tiến hành được các biện pháp điều tra đối với Nguyễn Thị K, Nguyễn Ngọc S và Vũ Duy V3. Vì vậy, cơ quan điều tra quyết định tách hồ sơ tài liệu liên quan đến Nguyễn Thị K, Nguyễn Ngọc S, Vũ Duy V3 để điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với đối tượng N là người bán ma túy cho Q, các đối tượng mua ma túy của Q gồm N1, T1, P1 do Q không khai được rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để lập hồ sơ, xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-P1 ngày 08 tháng 4 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy L không thừa nhận việc có cùng Q bàn bạc và bán ma túy cho K, bị cáo L trình bày: Bị cáo có chung sống như vợ chồng với Q, bị cáo chỉ biết Q thường xuyên sử dụng ma túy, còn việc Q mua bán ma túy như T1 nào bị cáo không biết. Bị cáo L chỉ nghi ngờ Q mua bán ma túy. Ngoài ra, đối với việc bán ma túy cho đối tượng K, S, bị cáo L không biết và không trao đổi nội dung gì, các tin nhắn trong zalo của bị cáo đều do bị cáo Q nhắn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng; đồng thời phân tích hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân,

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thùy L (áp dụng thêm điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thị Thùy L); xử phạt:

Nguyễn Văn Q: 20 năm tù.

Phạt tiền: Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

Nguyễn Thị Thùy L: 20 năm tù.

Phạt tiền: Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T; xử phạt: Từ 05 năm đến 06 năm tù.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L: Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tách lượng ma túy mà các bị cáo đã có hành vi bán cho đối tượng K, S để xử lý sau khi bắt được các đối tượng này.

+ Đối với bị cáo Q, Luật sư không tranh luận về tội danh mà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Lập công chuộc tội” theo điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo đã khai báo ra các đầu mối mua ma túy khác; bị cáo có bác là Lê Văn Phòng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba.

+ Đối với bị cáo L, Luật sư không đồng ý về tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố với bị cáo, Luật sư đề nghị chuyển tội danh từ tội “Mua bán trái phép chất ma túy” sang tội “Không tố giác tội phạm” bởi: Kể từ khi bị bắt đến nay, bị cáo chưa bao giờ khai cùng Q mua bán ma túy, ngoài lời khai của bị cáo Q, không có căn cứ nào khác thể hiện bị cáo L cùng mua bán ma túy với Q. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo L hiện đang bị bệnh hiểm nghèo, nhiễm HIV để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội bị bắt quả tang của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu nhưng bị cáo Nguyễn Thị Thùy L không thừa nhận đồng phạm với bị cáo Q trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, căn cứ vào các lời khai của bị cáo Q và L tại Cơ quan điều tra, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Tại BL 211 – 212, bị cáo Q khai: “Việc tôi mua bán ma túy thì L có biết và thỉnh thoảng L cũng có khách gọi điện hỏi mua ma túy. Quá trình mua bán ma túy tôi và L có thống nhất với nhau việc bán ma túy đá giá là 500.000 đồng/1 gam và thuốc lắc giá 250.000 đồng/viên. Khi có khách của tôi thì tôi là người đi giao ma túy cho khách, khi khách của L gọi điện thì L báo lại cho tôi và tôi đi giao cho khách. Toàn bộ số tiền mua bán ma túy đều do tôi quản lý, thỉnh thoảng tôi có đưa tiền cho L để chi tiêu, sinh hoạt hàng ngày.

[4] Tại BL 215 – 216, bị cáo Q khai: Việc mua bán ma túy chủ yếu do tôi thực hiện còn L cũng có khách mua ma túy nhưng chủ yếu là khách quen, trong đó, có N1 (là bạn học cùng cấp 2 với L nhà ở TC1), T1 ở đường TC1 là anh em chơi với L từ trước, ngoài ra, còn có P1 là khách quen của cả tôi và L. Khi mua bán ma túy thì tôi và L thống nhất với nhau về giá ma túy bán ra cho khách dựa trên giá ma túy mà tôi mua vào.....Việc mua bán ma túy về để bán thì tôi là người trực tiếp đi mua về, cắt và phân chia nhỏ cũng như quản lý tiền để mua bán ma túy nhưng tôi đều nói rõ với L cụ thể lượng ma túy mua về, giá cả và nơi cắt ma túy, giá ma túy bán ra để L cùng biết. Ngoài ra, do đều sử dụng ma túy “đá” nên tôi và L cùng thống nhất và lấy ma túy “đá” trong túi chứa ma túy “đá” to chưa chia thành các túi nhỏ để sử dụng.

[5] Tại BL 219 – 220, bị cáo Q khai: Khi trao đổi mua bán ma túy với K thì lúc K nhắn tin cho tôi, lúc K nhắn tin cho L, khi K nhắn tin hỏi mua ma túy với L thì L đều nói với tôi để tôi làm giá, cụ thể: Lần đầu K mua 20 gam ma túy Ketamine và 100 viên thuốc lắc thì L là người đi gửi; lần thứ 2 ngày 15/11 K mua 70 gam ma túy thì L cũng đi gửi nhưng không gửi được lại mang về và khi chuyển tiền mua ma túy của K thì L đều biết và báo lại cho tôi.

[6] Tại BL 251 – 252, bị cáo L khai (có sự tham gia của Kiểm sát viên): Mỗi lần mua ma túy về thì anh Q trực tiếp chia thành các lượng nhỏ để bán. Nếu là khách trực tiếp gọi cho anh Q thì anh Q trực tiếp giao cho khách và nhận tiền, còn nếu khách mua ma túy liên hệ với tôi thì có lần tôi báo để anh Q trực tiếp giao cho khách và nhận tiền, có lần thì tôi đi cùng anh Q để giao ma túy cho khách nhưng

nhận tiền xong thì tôi lại đưa cho anh Q giữ. Giá bán ma túy anh Q báo cho tôi báo giá cho khách là 250.000 đồng một viên kẹo (tức ma túy thuốc lắc) và 500.000 đồng một gam đá (tức ma túy đá).

[7] Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các kết luận giám định, biên bản bắt người phạm tội quả tang, nội dung các tin nhắn thu giữ và phù hợp với các tài liệu khác có trong vụ án, thể hiện:

[8] Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thùy L là 2 đối tượng nghiện ma túy, thuê nhà số 42B/38/31 ĐV, TC1, quận HB, thành phố Hải Phòng, chung sống cùng nhau như vợ chồng để sử dụng và cùng nhau mua bán trái phép chất ma túy. Q thường mua ma túy của người đàn ông tên V3 ở đường tàu TKD (hiện không xác minh được lai lịch, địa chỉ) mang về cùng L chia nhỏ để bán. Ngày 01/12/2018, Nguyễn Văn T đến mua 02 viên thuốc lắc với giá 500.000 đồng, thì bị Công an bắt, thu giữ trên tay T 2 viên nén màu xanh, giám định là MDMA nặng 0,68 gam. Cơ quan Công an khám xét nơi ở của Q và L thu được các chất ma túy giám định có kết quả như sau: 83,39 gam Methamphetamine thu ở ngăn kéo tủ; 14,3 gam MDMA thu dưới nền nhà, lượng ma túy này các bị cáo mua nhằm mục đích bán kiếm lời. Số ma túy T mua của Q, L về để sử dụng.

[9] Ngoài ra, bị cáo Q còn khai nhận: Trong quá trình bán ma túy, Q và L còn ba lần bán ma túy loại thuốc lắc và Ketamine cho một người phụ nữ tên K (liên lạc qua Zalo với Q, có chồng tên là S nhà ở thành phố Đà Nẵng) 110 gam Ketamine và 1200 viên thuốc lắc, một lần bán cho đối tượng P1 10 gam ma túy đá (Methamphetamine), bán cho N1 20 viên thuốc lắc, bán cho T1 10 gam ma túy đá (Methamphetamine) – các đối tượng P1, N1, T1 đều không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ.

[10] Do vậy, hành vi của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L đồng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[11] Tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thị Thùy L là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, mặt khác, ma túy vẫn đang là hiểm họa của toàn cầu, là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự

- Về tình tiết định khung hình phạt:

+ Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”:

[12] Lượng ma túy bị cáo T tàng trữ là 0,68 gam MDMA. Tuy nhiên, bị cáo T đã có 01 tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tái

phạm và chưa được xóa án tích do bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền phạt. Bị cáo đã tái phạm lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó bị cáo Nguyễn Văn T bị xét xử theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

+ Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:

[13] Lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang và khám xét nhà của các bị cáo L, Q là 14,98 gam MDMA và 83,39 gam Methamphetamine.

[14] Bị cáo L không thừa nhận việc mua bán ma túy với Phúc nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo Q có thừa nhận có cùng bán cho đối tượng tên Phúc 10 gam Methamphetamine, lời khai của bị cáo Q phù hợp với nội dung tin nhắn trong điện thoại của bị cáo L trao đổi về số lượng và chất lượng ma túy. Do đó, có đủ căn cứ xác định các bị cáo Q, L có cùng mua bán 10 gam Methamphetamine cho đối tượng Phúc.

[15] Đối với lượng ma túy bán trái phép cho đối tượng K, bị cáo Q khai nhận có bàn bạc cùng bị cáo L và thực hiện việc bán ma túy cho K. Mặc dù bị cáo L không thừa nhận có việc bàn bạc với bị cáo Q trong việc bán ma túy cho K nhưng căn cứ lời khai của Q phù hợp với nội dung các tin nhắn zalo trên tài khoản của L và việc chuyển khoản tiền trả qua tài khoản của L thể hiện Q và L đều cùng nhau thực hiện việc bán ma túy với K. Tuy nhiên, do lượng ma túy loại “thuốc lắc” các bị cáo bán cho K không thu giữ được nên không có căn cứ để xác định có cùng chủng loại với loại ma túy đã thu giữ của Q, L không và không có căn cứ để xác định khối lượng của 1.200 viên thuốc lắc này. Do đó, chỉ đủ căn cứ xác định, các bị cáo Q, L bán cho đối tượng K 110 gam Ketamine.

[16] Như vậy, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L đã mua bán trái phép: 14,98 gam MDMA; 93,39 gam Methamphetamine và 110 gam Ketamine. Quy đổi lượng ma túy theo ketamine, lượng ma túy các bị cáo mua bán có ở thể rắn các bị cáo bán có khối lượng tương đương với 435,11 gam Ketamine nên các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L bị xét xử theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

- Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[17] Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo Q có vai trò cao hơn bị cáo L, bị cáo Q là người bỏ tiền và tự mình đi mua ma túy, trực tiếp chia nhỏ ma túy và giấu ma túy, nếu khách của Q mua thì Q trực tiếp bán, nếu khách của L mua thì L sẽ báo Q hoặc trực tiếp bán rồi đưa lại tiền cho Q; bị cáo L chỉ có vai trò giúp sức cho Q trong việc mua bán trái phép chất ma túy.

[18] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Q, L đều nhiều lần

mua bán trái phép chất ma túy nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[19] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt, bị cáo Q, T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L mặc dù không thừa nhận hành vi tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận và khai báo thành khẩn việc cùng bị cáo Q mua bán ma túy, bị cáo chỉ không thừa nhận có việc mua bán ma túy với đối tượng K, S, do đó, Hội đồng xét xử vẫn đánh giá bị cáo L thành khẩn khai báo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Q có bác là Lê Văn P2 tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[20] Quy đổi lượng ma túy theo ketamine, lượng ma túy các bị cáo mua bán có ở thể rắn các bị cáo bán có khối lượng tương đương với 435,11 gam Ketamine. Theo hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 3.2 Mục 3 Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của các Điều 139, 193, 194, 278, 279 và 289 Bộ luật Hình sự 1999: *“3.1 Trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ hoặc vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ nhưng đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ tương đương nhau thì xử phạt người phạm tội mức án tương ứng với trọng lượng chất ma túy như sau: a. Xử phạt hai mươi năm tù nếu: ... Các chất ma túy ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam đến dưới chín trăm gam”*. Do đó, mặc dù, bị cáo Q có vai trò cao hơn bị cáo L nhưng với lượng ma túy các bị cáo Q, L mua bán trái phép và nhân thân của các bị cáo có tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ tương đương nhau, các bị cáo phải chịu mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là thỏa đáng, phù hợp với quy định của pháp luật.

[21] Đối với quan điểm của Luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Lập công chuộc tội” đối với bị cáo Q bởi mặc dù bị cáo đã khai ra các đối tượng khác mua ma túy của bị cáo nhưng việc khai báo của bị cáo đã được đánh giá bị cáo thành khẩn khai báo, ngoài ra, bị cáo chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận hoặc khen thưởng về hành vi tích cực của bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận quan điểm chuyển tội danh cho bị cáo L do hành vi phạm tội của bị cáo L đã phân tích ở trên. Đối với đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Luật sư.

- Về xử lý vật chứng:

[22] + Đối với 02 phong bì; 01 túi giấy niêm phong chứa ma túy; 01 hộp nhựa màu hồng và 02 cân điện tử: Đây là vật cấm lưu hành và đồ vật bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy

[23] + Đối với 01 xe máy Honda: Đây là xe do bị cáo đăng kí nhưng do mẹ bị cáo cho tiền mua để chở mẹ bị cáo đi công việc, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[24] + Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh thu của Nguyễn Văn T: Bị cáo có sử dụng để liên lạc với Q mua ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước:

[25] + Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen; 01 điện thoại Iphone màu đen thu của bị cáo Q và 01 điện thoại Iphone màu trắng thu của bị cáo L: Các bị cáo có sử dụng điện thoại này để liên lạc trong việc mua bán ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

[26] + Đối với 02 điện thoại ITEL màu đen thu giữ của bị cáo Q: Bị cáo không sử dụng điện thoại này nên cần trả lại cho bị cáo

[27] + Đối với 01 Ipad của bị cáo L, không sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[28] + Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q : Đây là giấy tờ cá nhân nên trả lại cho bị cáo

[29] + Đối với 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thùy L: Đây là giấy tờ cá nhân nên trả lại cho bị cáo

[30] + Đối với 01 Giấy đăng kí xe máy mang tên Nguyễn Văn T2 thu của bị cáo Q, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo

[31] + Đối với số tiền 35.800.000 đồng, trong đó:

[32] Số tiền 34.100.000 đồng là tiền của mẹ bị cáo Q gửi bị cáo giữ hộ, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[33] Số tiền 1.700.000 thu của bị cáo T, trong đó, bị cáo sử dụng 500.000 đồng để mua ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, số tiền còn lại 1.200.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[34] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt Nguyễn Văn Q: 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2018.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt Nguyễn Thị Thùy L: 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/12/2018.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn T: 06 (Sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2018

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 02 (Hai) phong bì và 01 (Một) túi giấy; 01 (Một) hộp nhựa màu hồng; 02 (Hai) cân điện tử

+ Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước: 01 (Một) điện thoại Nokia màu xanh; 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen; 01 (Một) điện thoại Iphone màu đen và 01 (Một) điện thoại Iphone màu trắng

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Q: 01 (Một) xe máy Honda; 01 (Một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q; số tiền 34.100.000 (Ba mươi tư triệu, một trăm nghìn) đồng; 02 (Hai) điện thoại Itel màu đen; 01 (Một) Giấy đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn T2 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thùy L: 01 (Một) Ipad; 01 (Một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Thùy L nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: Số tiền 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng

+ Tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0001412 ngày 10/4/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng)

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị Thùy L,

Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Các bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm